Name:.....
Date: .../ .../ 20...
Class: S9
Tel: 034 200 9294

Vocabulary: .....
Writing: .....
Listening: .....
Mini Test: .....

SPACE & PLANET
VOCABULARY & WRITING INSTRUCTION

A. VOCABULARY

*__Lưu ý__: *Các từ vựng mở rộng thầy cô cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu đề có chú thích nghĩa: con về nhà chép mỗi từ 1 dòng để ghi nhớ nhé.*

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	**constellation** (n)	chòm sao	10	**space shuttle** (n)	tàu con thoi
2	**Milky Way** (n)	ngân hà	11	**space station** (n)	trạm không gian
3	**comet** (n)	sao chổi	12	**space voyage** (n)	du hành vũ trụ
4	**orbit** (n)	quỹ đạo	13	**telescope** (n)	kính viễn vọng
5	**Galaxy** (n)	ngân hà, thiên hà	14	**black hole** (n)	hố đen
6	**ozone layer** (n)	tầng Ozon	15	**revolve** (v)	quay quanh (về một hành tinh)
7	**solar system** (n)	hệ Mặt Trời	16	**rotate** (v)	xoay quanh, luân phiên nhau
8	**asteroid** (n)	hành tinh nhỏ	17	**pave the way for something** (phr.v)	mở đường cho cái gì, tạo ra một tình huống giúp điều gì đó có thể xảy ra một cách dễ dàng hơn
9	**launch a rocket** (v)	phóng tàu vũ trụ			

* **Note:** n = noun: danh từ; v = verb: động từ; phr.v = phrasal verb: cụm động từ.

B. REVISION

I. Choose the correct answer.

0. He _____ her while she was speaking.

A. interrupted *B. ironed* *C. banned*

1. The _____ protects life on Earth by absorbing harmful ultraviolet radiation.

A. Galaxy B. asteroid C. ozone layer

2. A low-power _____ is enough if you only want to look at the moon.

A. telescope B. orbit C. comet

3. They are now attempting to upgrade the space _____ to a more acceptable standard than when they were simply pioneering.

A. shuttle B. voyage C. rocket

LIVEWORKSHEETS

4. _____ are areas in space where gravity is so strong that nothing, not even light, can escape from them.

A. Orbits B. Comets C. Black holes

5. The mission was preparation for a project to _____ a rocket into space for less than 1,000.

A. pave B. launch C. rotate

II. Do the matching.

0. not wearing any shoes or socks	a. orbit
1. the curved path through which objects in space move around a planet or star	b. asteroid
2. the galaxy that includes the Earth, seen at night as a pale strip across the sky	c. revolve
3. to move or cause something to move around a central point or line	***d. in barefoot***
4. any of the groups of stars in the sky that seem from Earth to form a pattern and have been given names	e. Milky Way
5. one of many large rocks that circle the sun	f. constellation

C. IELTS PRACTICE

Writing Topic: Write a short paragraph **(100-140 words)** about a journey beyond the Earth using future simple and the vocabulary above.

LIVEWORKSHEETS

Các con mở link nghe sau bằng máy tính:

Track 2

5 02 CD1

Complete the form below. Write NO MORE THAN THREE WORDS AND/OR A NUMBER for each answer.

ROOM BOOKING	
Name:	1 Duncan _____
Telephone number:	5762 23821
Date of arrival:	2 _____
Date of departure:	23rd September
Room type:	Twin room
Cost:	3 £ _____
Payment method:	4 _____

Exam tip: In the IELTS Listening exam, it is very unusual for the words you read to be the words you hear on the recording. You should listen for different ways of expressing the same idea.

LIVEWORKSHEETS

I. Choose the correct answer.

1. When prices are so low, farmers have little _____ to increase production.

A. incentive B. amateur C. successor

2. She has repeatedly tried to _____ her husband against hostile criticism in the press.

A. commission B. defend C. diminish

3. After all, the 27-year-old farm worker fully intended _____ to work when his 30-minute lunch break was over.

A. return B. to returning C. to return

4. The drains flooded and water _____ down the main street.

A. overflowed B. wiped C. accommodated

II. Write a sentence with IF for each situation.

1. The accident happened because the driver in front stopped so suddenly.

→_____

2. I'm sorry I disturbed you. I didn't know you were busy.

→_____

3. Martin failed his driving test last week. He was very nervous and that's why he failed.

→_____

4. Margaret wasn't injured in the crash because she was wearing a seat belt.

→_____

*__Lưu ý:__ *Với những từ con không nhớ và viết sai, con viết từ đó vào vở 2 dòng.*

Mọi ý kiến đóng góp của phụ huynh sẽ là động lực để StarLink nâng cao chất lượng đào tạo.
Mời bố mẹ quét mã ở đây để thực hiện khảo sát ạ!

LIVEWORKSHEETS